

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(V/v: BCTC HN quý III- 2017)

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2017

KÍNH GỬI: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên đơn vị: **Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây**

Mã chứng khoán: **DHT**

Địa chỉ trụ sở chính: 10A Quang Trung – Quận Hà Đông – TP. Hà Nội

Điện thoại: 0433 501117 - Fax 0433 829054

Người thực hiện Công bố thông tin: Ông Ngô Văn Chinh – Trưởng Ban kiểm soát.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất kết quả kinh doanh quý III năm 2017 của Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

Tổng số lãi sau thuế của Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2017 là: 18.396.875.160 đồng so với tổng số lãi sau thuế Quý III/ 2016 là: 9.397.560.701 đồng chênh lệch tăng 8.999.314.459 đồng tương ứng tăng 95,8% lý do.

- Doanh thu thuần hợp nhất quý III/2017 là 423.525.029.538 đồng so với doanh thu thuần hợp nhất quý III/2016 là 319.121.663.182 đồng chênh lệch tăng 104.403.366.356 đồng tương ứng tăng 32,7%
- Thu nhập khác quý này so với cùng kỳ quý trước tăng 2.437.244.824 đồng

Vậy Công ty xin báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biết.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: TV-VT-GĐ



DS. Lê Xuân Thắng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(V/v: Công bố thông tin BCTC HN quý III- 2017)

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2017

KÍNH GỬI: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- 1.Tên đơn vị: **Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây**
- 2.Mã chứng khoán: **DHT**
- 3.Địa chỉ trụ sở chính: 10A Quang Trung – Quận Hà Đông – TP. Hà Nội
- 4.Điện thoại: 0433 501117 - Fax 0433 829054
- 5.Người thực hiện Công bố thông tin: Ông **Ngô Văn Chính** – Trưởng Ban kiểm soát.
6. Nội dung của thông tin công bố.
Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2017 của Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây được lập bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2017 báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2017
7. Đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính trên trang Website: www.hataphar.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: TV-VT-GĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người thực hiện công bố thông tin



Ngô Văn Chính

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		494.697.821.136	452.960.703.101
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	38.493.270.196	46.770.671.060
1 Tiền	111		38.493.270.196	39.770.671.060
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.740.626.557	121.391.376.779
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	59.171.131.032	79.086.986.920
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	148.802.470	41.435.275.156
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	15.827.880.719	2.763.132.477
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(407.187.664)	(1.894.017.774)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	375.703.508.219	282.215.041.452
1 Hàng tồn kho	141		379.973.128.065	284.534.212.618
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.269.619.846)	(2.319.171.166)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.760.416.164	2.583.613.810
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.427.356.394	2.502.505.457
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.13	333.059.770	81.108.353
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.348.736.843	61.006.138.219
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.05	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		57.626.768.557	52.605.935.291
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	57.626.768.557	52.605.935.291
- Nguyên giá	222		238.739.216.695	222.749.141.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(181.112.448.138)	(170.143.206.423)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	6.069.550.436	5.469.929.618
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.069.550.436	5.469.929.618
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.642.417.850	2.920.273.310
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.831.858.728	2.089.424.212
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		810.559.122	830.849.098
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		561.046.557.979	513.966.841.320

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		335.764.765.282	311.618.678.192
I. Nợ ngắn hạn	310		331.903.665.282	308.225.078.192
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	66.321.411.093	64.431.016.102
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	16.021.022.272	54.865.153.152
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.090.672.573	7.008.361.265
4 Phải trả người lao động	314		21.451.448.654	7.229.662.468
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	383.430.248	595.592.474
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	408.650.275	784.921.505
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	3.739.727.276	3.884.558.798
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	216.163.976.258	168.586.877.990
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.323.326.633	838.934.438
II. Nợ dài hạn	330		3.861.100.000	3.393.600.000
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.16	3.651.100.000	3.183.600.000
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	210.000.000	210.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		225.281.792.697	202.348.163.128
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	225.281.792.697	202.348.163.128
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.636.910.000	62.826.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.636.910.000	62.826.020.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		1.000.000.000	29.335.312.000
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		33.749.972.133	33.150.337.251
5 Cổ phiếu quỹ	415		(9.426.753.027)	(9.426.753.027)
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		16.952.851.099	13.664.360.396
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.986.578.831	46.744.632.449
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.810.723.495	5.495.528.995
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		33.175.855.336	41.249.103.454
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		21.382.233.661	26.054.254.059
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		561.046.557.979	513.966.841.320

Hà nội, ngày 18 tháng 10 năm 2017

Người lập



Hoàng Thành

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuế



Tổng Giám đốc

Lê Xuân Thắng

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kì hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm		Đơn vị tính: VND
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	423.526.382.038	319.367.477.182	1.087.678.562.638	877.812.250.539	
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.352.500	245.814.000	24.264.570	1.716.396.523	
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		423.525.029.538	319.121.663.182	1.087.654.298.068	876.095.854.016	
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	367.948.311.299	273.839.035.363	931.160.440.966	752.793.614.636	
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		55.576.718.239	45.282.627.819	156.493.857.102	123.302.239.380	
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.626.437.723	2.330.907.989	7.414.212.067	6.508.095.498	
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	3.751.839.290	2.216.562.995	9.536.408.475	6.766.916.495	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23						
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24				902.454.706	108.982.512	
9 Chi phí bán hàng	25		18.800.485.979	21.541.116.910	52.333.347.344	47.584.720.205	
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		17.817.379.086	13.515.052.547	51.645.231.128	42.593.490.333	
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		18.833.451.607	10.340.803.356	51.295.536.928	32.974.190.357	
12 Thu nhập khác	31		3.843.392.343	1.406.147.519	8.019.958.294	3.967.003.640	
13 Chi phí khác	32				42.174.081	674.845.935	
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.843.392.343	1.406.147.519	7.977.784.213	3.292.157.705	
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		22.676.843.950	11.746.950.875	59.273.321.141	36.266.348.062	
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.279.968.790	2.349.390.174	11.424.877.078	7.534.288.291	
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				(6.159.572)	(263.636.969)	
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	60		18.396.875.160	9.397.560.701	47.854.603.635	28.995.696.740	

Đơn vị tính: VND

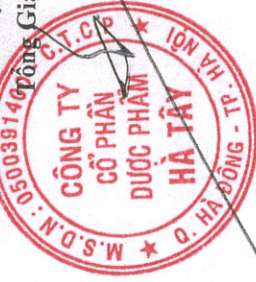
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lấy kể từ đầu năm	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		16.096.461.166	8.233.225.319	43.873.912.299	26.285.165.897
20 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		2.300.413.994	1.164.335.382	3.980.691.336	2.710.530.843

(60=50-51-52)

Hà nội, ngày 18 tháng 10 năm 2017

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Phòng Giám đốc



Kế toán trưởng

Người lập

Hoàng Văn Tuế

Hoàng Thành

Lê Xuân Thắng

Báo cáo hợp nhất lưu chuyển tiền tệ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý III năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 / 2017	Quý 3 / 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		179.198.650.584	156.308.210.133
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(148.964.582.342)	(95.959.168.847)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(17.549.068.609)	(20.107.051.053)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(2.326.491.737)	(1.950.134.682)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(3.773.452.655)	(2.951.203.566)
6. Tiền thu khác từ các hoạt động kinh doanh	6		2.300.954.435	6.881.901.023
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(33.373.179.896)	(26.429.686.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(24.487.170.220)	15.792.866.488
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(520.790.909)	(1.273.636.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		20.000.000	156.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			
5. Chi tiền góp vốn vào các đơn vị khác	25		(900.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận chia được	27		1.283.100.646	1.972.398.272
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(117.690.263)	854.943.726
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		145.740.013.264	49.580.073.637
4. Tiền chi trả nợ gốc vay.	34		(105.676.954.003)	(69.508.836.035)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.562.178.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		27.500.881.261	(19.928.762.398)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ(20+30+40)	50		2.896.020.778	(3.280.952.184)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		35.597.249.418	36.603.858.297
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ(50+60+61)	70	VIII.1	38.493.270.196	33.322.906.113

Lập bảng

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2017

Tổng Giám đốc



Hoàng Thành

Hoàng Văn Tuế

ĐS. Lê Xuân Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1911 QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 030300015 ngày 10/01/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp. Công ty có 16 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500391400 thay đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/04/2017 thì vốn điều lệ của Công ty là **62.826.020.000 đồng** (Sáu mươi hai tỷ tám trăm hai sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Trong 6 tháng đầu năm 2017, Công ty đã thực hiện tăng vốn lên 125.636.910.000 đồng dựa trên Nghị quyết số 265/NQ-DHT ngày 28/03/2017 của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết số 440/NQ-DHT ngày 07/06/2017, Thông báo chấp thuận số 809/TB-SGDHN ngày 23/06/2017 của Ủy ban Chứng khoán về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 11/07/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Sản xuất dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý thuốc của doanh nghiệp);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: Kinh doanh vắc xin, sinh phẩm y tế; Mua bán hóa chất và hóa chất xét nghiệm (trừ loại hóa chất Nhà nước cấm); Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế; Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết: Dạy nghề; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp; Giáo dục nghề nghiệp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Kinh doanh siêu thị; Dịch vụ nhà ở, văn phòng);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (chi tiết: Xuất nhập khẩu dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng); Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Thực phẩm chức năng; thực phẩm dinh dưỡng; thực phẩm bổ dưỡng)/.

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị hạch toán báo sổ của Công ty

- | | |
|--|--|
| 1. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây | - Địa chỉ: Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội |
| 2. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An | - Địa chỉ: Số 18 Trần Nhật Duật, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An |
| 3. Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì | - Địa chỉ: Thôn Vân Trai, thị trấn Tây Tăng, huyện Ba Vì, Hà Nội |
| 4. Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín | - Địa chỉ: Số 251 Phố Ga, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Hà Nội |
| 5. Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên | - Địa chỉ: Tiểu khu Mỹ Lâm, thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, Hà Nội |
| 6. Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hòa | - Địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa, Hà Nội |
| 7. Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức | - Địa chỉ: Thôn Tế Tiêu, thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, Hà Nội |
| 8. Chi nhánh Đông dược, vật tư y tế | - Địa chỉ: 78 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội |
| 9. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Thái Bình | - Địa chỉ: Lô 8/18 khu phố 2, tổ 28, Trần Hưng Đạo, Thái Bình |
| 10. Các phân xưởng sản xuất | - Địa chỉ: Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội |
| 11. Kho thuốc xuất nhập khẩu | - Địa chỉ: 101 phố Nguyễn Viết Xuân, Hà Đông, Hà Nội |
| 12. Quầy thuốc số 37 Chương Mỹ | - Địa chỉ: Xã Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội |
| 13. Kho nguyên liệu, dược liệu, thành phẩm | - Địa chỉ: Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội |

Danh sách các Công ty con của Công ty

- | | |
|---|--|
| Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây | - Địa chỉ: Số 10, ngõ 4, phố Xóm, Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội |
| | - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 50,63% |
| | - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 50,63% |

Danh sách các Công ty liên kết của Công ty

- | | |
|--------------------------------|--|
| Công ty TNHH Hataphar Miền Nam | - Địa chỉ: Số 38 A2 Nguyễn Giản Thanh, phường 15, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh |
| | - Tỷ lệ phần sở hữu: 48,28% |
| | - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 48,28% |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với các ngân hàng giao dịch.

Công ty đã thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 20
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải	07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và chi phí trả trước về thuê cửa hàng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên, được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay, được xác định đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau được tính toán dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ nhằm đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng địa điểm.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu. Theo quy định tại Điều số 16 Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính Phủ - Quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp, Các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần trước ngày 01 tháng 07 năm 2015 có quyền mua bán, chuyển nhượng, tặng, giảm phần vốn góp, số cổ phần nhưng không được làm tăng tỷ lệ sở hữu chéo hiện có. Khoản Công ty con góp vốn vào Công ty là từ trước thời điểm 01/07/2015 và cũng không tăng tỷ lệ sở hữu chéo hiện có.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017, Công ty đã thực hiện tăng vốn góp chủ sở hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết số 265/NQ-DHT ngày 28/03/2017 của Đại hội đồng cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia.

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

+ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn), căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông/Quyết định chia cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là tiền thu từ cho thuê nhà, thu thanh lý tài sản cố định, thu cho thuê nhân công, thu từ đào tạo, hợp tác kinh doanh và các khoản thu nhập khác, được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng bán thanh lý tài sản cố định, hóa đơn tài chính, phiếu thu, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán có liên quan.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm được ghi nhận trên cơ sở số lượng hàng xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 10% đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh bán thực phẩm chức năng và các mặt hàng khác và 5% bán thuốc thông thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Các đơn vị trực thuộc Công ty được tính toán và quyết toán thuế TNDN tập trung tại Công ty.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền	30/09/2017	01/01/2017
Tiền mặt	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	38.493.270.196	39.770.671.060
Các khoản tương đương tiền	12.793.362.032	12.415.712.496
Cộng	25.699.908.164	27.354.958.564
	-	7.000.000.000
	38.493.270.196	46.770.671.060

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Tại ngày 30/09/2017				
	VND	VND			
	Giá gốc	Dự phòng			
	Giá trị hợp lý	Giá gốc			
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)			
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)			
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	700.000.000	-	911.958.418	700.000.000	-
Trường Trung cấp Kỹ thuật y dược Hà Nội	3.287.565.579	-	4.257.592.018	3.287.565.579	-
Hataphar Công nghệ cao	900.000.000	-	900.000.000	-	-
Cộng	4.887.565.579	-	6.069.550.436	3.987.565.579	5.469.929.618

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào Công ty liên kết của Công ty tại thời điểm 30/09/2017 như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	48,28%	48,28%	48,28%	1.450.000.000
Trường Trung cấp Kỹ thuật y dược Hà Nội	49%	49%	49%	6.709.317.509

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

	Tại ngày 30/09/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Công ty mẹ</i>				
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	3.013.367.599	-	2.627.898.923	-
Công ty CP Dược phẩm Sao Mỹ	486.371.640	-	1.882.214.094	-
Công ty CP Y dược Pháp Âu	1.902.919.229	-	1.884.228.567	-
Công ty CP Vinh Gia	902.321.986	-	1.277.594.553	-
Công ty CP Đầu tư Kim Long	1.648.003.283	-	2.255.229.908	-
Công ty CP Dược phẩm Thành Phát	1.394.602.699	-	6.589.150.634	-
Công ty TNHH Trường Huy	5.070.799.062	-	4.380.966.020	-
Công ty TNHH Dược phẩm Meza	7.178.859.699	-	5.723.014.652	-
Công ty CP Dược phẩm Hạnh Hà	1.007.715.090	-	1.414.899.588	-
Công ty TNHH 168 Busal Hàn Quốc	702.086.484	-	1.068.494.128	-
Các đối tượng khác	23.497.449.247	407.187.664	41.414.138.072	1.894.017.774
<i>Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà tây</i>				
Công ty TNHH Dược phẩm France India USA		-	303.265.095	-
Công ty TNHH Trường Huy		-	306.408.775	-
Công ty CP Dược phẩm Lavitco		-	743.458.515	-
Công ty CP Dược phẩm Ginkgomin		-		-
Sống ý nghĩa		-	748.798.613	-
Công ty CP Dược phẩm Tiến Lộc		-	99.757.251	-
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm Trường An		-	415.353.840	-
Công ty CP Dược phẩm Quốc tế CTT Việt Nam		-	672.778.510	-
Công ty TNHH Dược phẩm Tài Thịnh		-	1.055.195.884	-
Công ty CP Dược phẩm Thiên Phúc		-	4.224.141.298	-
Các đối tượng khác		-		-
Cộng	46.804.496.018	407.187.664	79.086.986.920	1.894.017.774

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

4. Trả trước cho người bán

	Tại ngày 30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty CP Thiết kế & Xây dựng SDC	-	5.470.599.044
Mepro Pharmaceuticals Pvt.ltd	-	4.826.088.750
Rotexmedica		12.876.210.650

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Công ty TNHH Micro Labs		-
Curemed Healthcare Pvt., Ltd		-
Shijiazhuang Yiling Pharmaceutical Co., Ltd		1.093.920.000
Các đối tượng khác	148.802.410	16.347.879.152
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà tây		
Công ty CP Hóa dược Quốc tế Hà Nội	-	800.000.000
Công ty TNHH Quảng cáo và In Hòa Phát	-	20.377.500
Các đối tượng khác	60	200.060
Cộng	148.802.470	41.435.275.156

5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/09/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	15.827.880.719	-	2.763.132.477	-
Công ty mẹ				
<i>Phải thu khác</i>	2.968.381.519	-	632.263.277	-
Phòng Xuất nhập khẩu	768.381.519	-	428.354.725	-
Phải thu khác	2.200.000.000	-	203.908.552	-
<i>Tạm ứng</i>	2.554.499.200	-	2.095.869.200	-
Nguyễn Cảnh Thắng	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
Ngô Thị Hải Minh	175.730.000	-	257.100.000	-
Các đối tượng khác	678.769.200	-	138.769.200	-
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà tây				
<i>Tạm ứng</i>	10.305.000.000	-	35.000.000	-
Kiều Thị Hạnh	4.000.000.000	-	-	-
Hoàng Đình Đang	4.300.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	2.005.000.000	-	35.000.000	-
b) Dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà tây				
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	15.837.880.719	-	2.773.132.477	-

6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/09/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng				
Công ty CP Dược phẩm Thái Tiến	-	-	289.479.884	-
Công ty CP Dược phẩm DGC	-	-	432.621.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Yến	-	-	159.093.400	79.546.700
Công ty TNHH Dược phẩm Sơn Tùng	-	-	518.973.512	259.486.756

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Công ty CP Y tế Tân Phúc	110.098.060	-	110.098.060	55.049.030
Bệnh viện đa khoa Hà Đông	82.664.910	41.332.455	182.694.000	94.117.200
Công ty CP Dược phẩm và Thương mại Yên Hà	-	-	118.186.986	-
Các đối tượng khác	214.424.694	90.235.278	882.040.677	310.970.059
Cộng	407.187.664	131.567.733	2.693.187.519	799.169.745

7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/09/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	116.649.017.317	4.269.619.846	96.006.710.818	2.319.171.166
Công cụ, dụng cụ	491.766.126	-	581.479.981	-
Thành phẩm	57.410.961.369	-	49.879.787.101	-
Hàng hoá	205.421.383.253	-	138.066.234.718	-
Cộng	379.973.128.065	4.269.619.846	284.534.212.618	2.319.171.166

8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.831.858.728	2.089.424.212
Chi phí xử lý nước sinh hoạt		-
Chi phí cải tạo sửa chữa		-
Chi phí thuê cửa hàng		-
Cộng	1.831.858.728	2.089.424.212

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/09/2017

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2017	88.065.043.505	114.653.540.149	12.088.417.459	7.942.140.601	222.749.141.714	
Mua trong kỳ	-	10.309.673.070	520.790.909	-	10.830.463.979	
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.324.843.752	-	-	-	5.324.843.752	
Thanh lý, nhượng bán	-	(165.232.750)	-	-	(165.232.750)	
Số dư ngày 30/09/2017	93.389.887.257	124.797.980.469	12.609.208.368	7.942.140.601	238.739.216.695	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2017	63.042.136.140	91.418.433.967	8.016.833.514	7.665.802.802	170.143.206.423	
Khấu hao trong kỳ	3.710.385.125	5.500.881.282	1.772.641.357	150.566.702	11.134.474.465	
Tăng do phân loại lại	-	-	-	4.924.242	4.924.242	
Thanh lý, nhượng bán	-	(165.232.750)	-	-	(165.232.750)	
Giảm khác do phân loại	-	(4.924.242)	-	-	(4.924.242)	
Số dư ngày 30/09/2017	66.752.521.265	96.749.158.257	9.789.474.871	7.821.293.746	181.112.448.138	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	25.022.907.365	23.235.106.182	4.071.583.945	276.337.799	52.605.935.291	
Số dư ngày 30/09/2017	26.637.365.992	28.048.822.212	2.819.733.497	120.846.855	57.626.768.557	

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 30/09/2017: 119.256.543.423 VND.

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kì hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

10. Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2017		Trong kỳ		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	215.953.976.258	215.953.976.258	145.740.013.264	105.676.954.003	168.586.877.990	168.586.877.990	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tây (1)	77.679.254.692	77.679.254.692	56.773.892.728	45.040.023.968	67.749.811.585	67.749.811.585	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (2)	57.373.513.133	57.373.513.133	50.454.560.726	34.367.487.305	36.559.682.042	36.559.682.042	
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (3)	23.794.434.012	23.794.434.012	16.909.443.529	15.362.500.706	14.792.468.289	14.792.468.289	
Vay cá nhân (4)	57.106.774.421	57.106.774.421	21.602.116.281	10.906.942.024	49.484.916.074	49.484.916.074	
Vay dài hạn	210.000.000	210.000.000	-	-	210.000.000	210.000.000	
Trái phiếu phát hành (5)	210.000.000	210.000.000	-	-	210.000.000	210.000.000	
Cộng	216.163.976.258	216.163.976.258	145.740.013.264	105.676.954.003	168.796.877.990	168.796.877.990	

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng số 38/2016-HDDTDHM/NHCT320-HATAPHAR ngày 28/7/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 70/2017-HĐCV-SDDbS01/NHCT320-HATAPHAR ngày 28/6/2017, hạn mức cho vay 100.000.000.000 VND, mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất được ghi nhận trên giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng/lần, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/7/2017; khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (2) Hợp đồng cấp tín dụng số 99/16/HM-DHT/VCBHT ngày 08/11/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 18/4/2017, hạn mức cho vay 200.000.000.000 VND, mục đích vay mua nguyên vật liệu, thuốc thành phẩm, trả lương nhân công và các chi phí khác để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, lãi suất quy định cụ thể theo từng lần rút vốn theo công bố của Ngân hàng; thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa không quá 05 tháng kể từ ngày rút vốn và được ghi trên giấy nhận nợ; thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (3) Hợp đồng cấp tín dụng số 13011.16.077.2665152.TD ngày 30/3/2016; hạn mức cho vay 35.000.000.000 VND; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại được phân của khách hàng năm 2016-2017; lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ; thời hạn cấp tín dụng đến ngày 31/7/2017; điều kiện bảo đảm: tổng nghĩa vụ bảo lãnh (bao gồm bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh dự thầu) không có tài sản đảm bảo tại mọi thời điểm không vượt quá 45.000.000.000 VND. Hợp đồng cấp tín dụng số 7617.17.077.2665152.TC ngày 30/3/2016; hạn mức tín dụng 220.000.000.000 VND (đã bao gồm toàn bộ dư hạn mức tín dụng của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng số 13011.16.077.2665152.TD ngày 30/3/2016); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại được phân của khách hàng; lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ; thời hạn mỗi khoản tín dụng trong hạn mức quy định trong từng văn bản nhận nợ nhưng vượt quá 06 tháng/khế ước; thời hạn cấp tín dụng đến ngày 31/3/2018; tài sản bảo đảm là hàng tồn kho luân chuyển, hàng hóa hình thành từ phương án, chi tiết theo các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
- (4) Các khoản vay cá nhân theo từng hợp đồng vay, nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay 03 tháng; lãi suất 0,5%/tháng.
- (5) Trái phiếu phát hành theo quy chế phát hành trái phiếu số 119/TV-DP ngày 03/3/2004, đối tượng mua trái phiếu là các Dược sĩ đang làm việc tại Công ty, thời hạn trái phiếu là 20 năm, lãi suất trả tương đương tỷ lệ cổ tức cho các cổ đông của Công ty và trả hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

11. Phải trả người bán

	Tại ngày 30/09/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
<i>Công ty mẹ</i>				
Công ty CP Dược phẩm Thành Phát	5.855.257.800	5.855.257.800	8.015.094.150	8.015.094.150
Alphamed Formulation Private Limited		-	8.550.187.416	8.550.187.416
Các đối tượng khác	55.321.054.833	55.321.054.833	45.441.089.537	45.441.089.537
<i>Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà tây</i>				
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu	927.349.255	927.349.255	773.935.502	773.935.502
Công ty CP Thương mại sản xuất đa Nguyên Hồng	361.500.000	361.500.000	361.500.000	361.500.000
Công ty CP Đầu tư Kim Long		-	201.702.144	201.702.144
Công ty TNHH Kinh doanh xuất nhập khẩu Khôi Nguyên	425.590.000	425.590.000	-	-
Công ty CP Dược phẩm GREEN		-	-	-
Các đối tượng khác	1.189.764.719	1.189.764.719	1.087.507.353	1.087.507.353
Cộng	64.080.516.607	64.080.516.607	64.431.016.102	64.431.016.102

12. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty CP Thế giới di động	270.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Hà Minh		556.345.812
Công ty TNHH Dược phẩm Bách Khang	1.871.860.375	1.807.038.629
Công ty TNHH Dược phẩm Anh Thy	581.447.050	6.063.295.338
Công ty CP Thiết bị T&T	1.172.036.867	3.065.325.735
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm T&T		3.878.594.277
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm Trường An	1.480.288.305	2.174.013.099
Anh Đạt - Ngõ Thái Thịnh 1 - Thịnh Quang		1.115.332.216
Công ty TNHH Dược phẩm FRANCE INDIA USA	1.156.248.475	6.426.760.886
Công ty CP Thương mại Nguyễn Danh		1.320.000.000
Công ty CP Gold Pharma	652.589.929	1.486.908.583
Công ty CP Dược phẩm NOVIPHA	1.137.304.265	1.107.528.000
Công ty CP Thương mại dược phẩm Sao Mai	5.332.445.333	11.531.118.276
Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Vạn Xuân	1.582.271.028	3.384.537.313
Các đối tượng khác	169.329.440	9.715.529.411

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà tây

Công ty CP EYE	157.658.972	157.658.972
Công ty TNHH Hưng Bình Hường	13.191.716	111.261.205
Công ty TNHH Thương mại Vega Pharma		29.960.234
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Richer		142.800.000
Công ty CP Dược VIKO8- Pháp	-	140.000.000
Công ty CP Dược Liên Phong	-	124.949.365
Công ty CP Dược phẩm SANTEX		226.195.801
Các đối tượng khác	444.350.517	
Cộng	16.021.022.272	54.865.153.152

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/09/2017
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	233.989.098	1.618.506.629	1.635.643.149	216.852.578
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	23.625.922.294	23.625.922.294	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.200.701.679	11.424.877.078	13.345.609.967	4.279.968.790
Thuế Thu nhập cá nhân	573.670.488	1.065.320.724	1.045.140.007	593.851.205
Thuế đất	-	1.860.318.306	1.860.318.306	-
Thuế tài nguyên		755.400	755.400	
Thuế môi bài	-	22.000.000	22.000.000	-
Thuế đất	-	1.860.318.306	1.860.318.306	-
Cộng	7.008.361.265	41.478.018.737	43.395.707.429	5.090.672.573
b) Phải thu				
Thuế xuất nhập khẩu	81.108.353	2.423.259.722	2.009.091.599	(333.059.770)
Cộng	81.108.353	2.423.259.722	2.009.091.599	(333.059.770)

14. Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	383.430.248	363.774.292
Chi phí sửa chữa quây bán lẻ	-	231.818.182
Cộng	383.430.248	595.592.474

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

15. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê nhà và địa điểm	408.650.275	784.921.505
Cộng	408.650.275	784.921.505

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.739.727.276	3.884.558.798
<i>Công ty mẹ</i>		
Các khoản bảo hiểm	1.775.645.231	1.207.393.774
Kinh phí công đoàn	4.000.000	80.000.000
Đền bù giải phóng mặt bằng	470.468.767	470.468.767
Tiền nhà cán bộ công nhân viên	294.127.000	294.127.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	630.628.153	1.473.671.582
<i>Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà tây</i>		
Các khoản bảo hiểm	478.069.166	317.697.675
Các khoản phải trả, phải nộp khác	86.788.959	41.200.000
b) Dài hạn	3.861.100.000	3.183.600.000
Nhận ký quỹ, ký cược	3.861.100.000	3.183.600.000
Cộng	7.600.827.276	7.068.158.798

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2017	62.826.020.000	29.335.312.000	33.150.337.251	(9.426.753.027)	46.744.632.449	162.629.548.673
Tăng vốn trong kỳ này	62.810.890.000	-	599.634.882	-	27.777.451.133	91.187.976.015
Tăng khác	-	1.000.000.000	-	-	5.631.198.778	6.631.198.778
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.051.337.500)	(3.051.337.500)
Sử dụng để tăng vốn góp chủ sở hữu	-	(29.335.312.000)	-	-	(34.075.212.882)	(63.410.524.882)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(8.347.877.076)	(8.347.877.076)
Giảm khác	-	-	-	-	(4.526.973.230)	(4.526.973.230)
Số dư tại ngày 30/06/2017	125.636.910.000	1.000.000.000	33.749.972.133	(9.426.753.027)	30.151.881.671	181.112.010.777
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	18.396.875.160	18.396.875.160
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.562.178.000)	(12.562.178.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Sử dụng để tăng vốn góp chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2017	125.636.910.000	1.000.000.000	33.749.972.133	(9.426.753.027)	35.986.578.831	186.946.707.937

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội	6.705.340.000	3.352.670.000
Lê Văn Lớ	8.988.180.000	3.495.090.000
Ngô Văn Chinh	4.367.560.000	2.033.780.000
Nguyễn Văn Minh	300.000.000	1.133.200.000
Hoàng Văn Tuế	7.113.980.000	3.456.990.000
Lê Việt Linh	10.600.000.000	5.117.000.000
Lê Xuân Thắng	10.512.300.000	4.456.150.000
Nguyễn Như Hoa	5.800.000.000	3.051.000.000
Nguyễn Thị Minh Hậu	5.500.000.000	2.940.000.000
Lê Anh Trung	8.683.380.000	3.836.690.000
Các cổ đông khác	57.066.170.000	29.953.450.000
Cộng	125.636.910.000	62.826.020.000

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý 3-2017 VND	Quý 3-2016 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	62.826.020.000	62.826.020.000
Vốn góp tăng trong kỳ	62.810.890.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	125.636.910.000	62.826.020.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.4 Cổ phiếu

	Quý 3-2017 Cổ phiếu	Quý 3-2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	12.563.691	6.282.602
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.563.691	6.282.602
- Cổ phiếu phổ thông	12.563.691	6.282.602
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.513	1.513
- Cổ phiếu phổ thông	1.513	1.513
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.562.178	6.281.089
- Cổ phiếu phổ thông	12.562.178	6.281.089
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

17.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa công bố
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 3-2017 VND	Quý 3-2016 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	423.526.382.038	319.367.477.182
Cộng	<u>423.526.382.038</u>	<u>319.367.477.182</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 3-2017 VND	Quý 3-2016 VND
Giảm giá hàng bán	1.352.500	245.814.000
Cộng	<u>1.352.500</u>	<u>245.814.000</u>

3. Giá vốn bán hàng

	Quý 3-2017 VND	Quý 3-2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm	367.948.311.299	273.839.035.363
Cộng	<u>367.948.311.299</u>	<u>273.839.035.363</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3-2017 VND	Quý 3-2016 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	3.626.437.723	2.330.907.989
Cộng	<u>3.626.437.723</u>	<u>2.330.907.989</u>

5. Chi phí tài chính

	Quý 3-2017 VND	Quý 3-2016 VND
Chi phí lãi vay	-	-
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	-
Chi phí tài chính khác	3.751.839.290	2.216.562.995
Cộng	<u>3.751.839.290</u>	<u>2.216.562.995</u>

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2017

Người lập

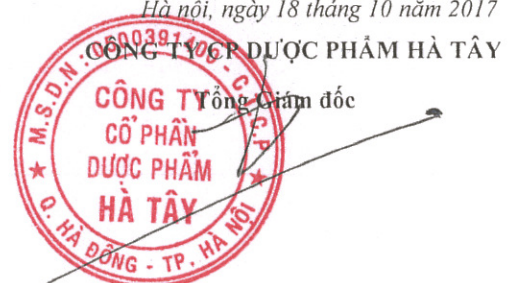


Hoàng Thành

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuế



Lê Xuân Thắng